

THÁNG RAMADAN Ở THỔ NHĨ KỲ THỜI KỲ OTTOMAN

Tóm tắt: Tháng Ramadan (phát âm là Ramazan trong tiếng Thổ Nhĩ Kỳ) là tháng thứ chín theo lịch Hijri (lịch Islam). Theo đức tin của tín đồ Islam khắp thế giới, tháng Ramadan có ý nghĩa thiêng liêng bởi đây là tháng của thực hành nhịn ăn, bố thí và cầu nguyện để bày tỏ sự tôn kính với Đấng Allah. Việc thực hành nhịn ăn cũng là một trong năm trụ cột của tôn giáo Islam được thực hiện xuyên suốt tháng Ramadan, kéo dài 29 hoặc 30 ngày. Sau khi kết thúc tháng Ramadan, các tín đồ Islam sẽ tổ chức Eid al-Fitr (Ramazan Bayramı ở Thổ Nhĩ Kỳ) kéo dài 3 ngày. Đây là một trong hai lễ hội tôn giáo quan trọng nhất trong năm của các tín đồ Islam. Bài viết này nhằm tìm hiểu nguồn gốc, ý nghĩa của tháng Ramadan và những đặc trưng cơ bản của tháng Ramadan ở Thổ Nhĩ Kỳ vào thời Ottoman, trong đó, bài viết đề cập việc chuẩn bị cho tháng Ramadan, thực hành nhịn ăn, các nghi thức tôn giáo liên quan và tổ chức lễ Ramadan ở Thổ Nhĩ Kỳ thời kỳ Ottoman.

Từ khóa: Tháng Ramadan; nhịn ăn; lễ Ramadan; Thổ Nhĩ Kỳ; Ottoman.

Dẫn nhập

Tháng Ramadan (thường được biết tới là tháng chay hay tháng nhịn ăn, dù cả hai cách gọi này chưa phản ánh đầy đủ bản chất của tháng này) là tháng lễ quan trọng và thiêng liêng nhất đối với các tín đồ Islam giáo trên khắp thế giới, bao gồm Thổ Nhĩ Kỳ. Kể từ khi bắt đầu kỷ nguyên Islam giáo (năm 622) cho đến nay việc thực hành nhịn ăn và các nghi lễ liên quan đến tháng Ramadan có lẽ là một trong những thực hành tôn giáo lâu đời nhất thế giới vẫn còn tiếp tục được duy trì. Dĩ

* Đại học Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ.

Ngày nhận bài: 13/11/2021; Ngày biên tập: 20/3/2022; Duyệt đăng: 19/7/2022.

nhiên, tùy theo hoàn cảnh mà tháng Ramadan ở từng quốc gia, khu vực hay dân tộc khác nhau được diễn ra phù hợp với nền tảng văn hóa - xã hội của các quốc gia hay cộng đồng dân tộc đó. Tháng Ramadan ở Thổ Nhĩ Kỳ có nhiều nét đặc trưng riêng biệt, phản ánh sự tiếp biến tôn giáo với lối sống văn hóa của dân tộc Thổ (Türk). Trong phạm vi bài viết này, trên cơ sở tổng hợp các nguồn sử liệu và nghiên cứu liên quan đến tháng Ramadan của các học giả Thổ Nhĩ Kỳ, tác giả sẽ trình bày về những đặc trưng của tháng Ramadan ở Thổ Nhĩ Kỳ thời kỳ Ottoman.

1. Nguồn gốc tên gọi và ý nghĩa của tháng Ramadan ở Thổ Nhĩ Kỳ

Ramadan (tiếng Thổ Nhĩ Kỳ là Ramazan, رمضان) được biết tới là tháng thứ chín của lịch Hijri (Hicrî takvim), sau tháng Sha'ban (Şâban) và trước tháng Shawwal (Şevval). Về mặt từ nguyên, Ramadan có nguồn gốc từ *ramad* nghĩa là “ngày rất nóng, Mặt trời làm nóng cát và đá, chân bị bỏng do đi chân trần ở những nơi oi bức” hoặc từ *ramda* nghĩa là “nơi quá oi bức do sức nóng mạnh mẽ của Mặt trời”¹. Nguồn gốc của cách diễn giải này cho thấy đặc trưng thực tế về khí hậu của tháng Ramadan ở bán đảo Arab nói riêng và cả khu vực Trung Đông nói chung nếu diễn ra vào mùa hè (khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 hoặc tháng 7 Tây lịch) là thời điểm tiết trời oi bức, nắng nóng hơn các tháng khác trong năm.

Bên cạnh cách diễn giải này, tên gọi Ramadan còn có nhiều ý nghĩa khác nhau. Trong các văn bản thời Ottoman, tháng Ramadan được gọi là “ramazânü'l-muazzam”, viết tắt bằng ký tự (ر) (nun trong bảng chữ cái Arab) và mang ý nghĩa: phước hạnh, thiêng liêng, thần thánh (mübarek, şerif, mükerrem)². Ngoài ra, Ramadan còn là một trong những tên gọi của Thượng đế Allah, được đặt cho tháng nhịn ăn để bày tỏ lòng thương xót của Allah. Theo nghĩa này, nó được gọi là “şehr-i Ramazân” tức “tháng của Allah”³. Đáng chú ý, bởi việc nhịn ăn là một trong những đặc điểm quan trọng nhất của tháng Ramadan nên nó còn được gọi là “şehr-i Sıyam” (tháng nhịn ăn)⁴.

Ramadan còn là tháng duy nhất được đề cập và nhấn mạnh giá trị trong Thánh kinh Qur'an (Kur'an-i Kerim). Bởi đây là tháng mà kinh Qur'an được mặc khải, hướng dẫn tín đồ đến chính đạo, tách sự thật khỏi sự giả dối và những tín đồ được lệnh phải nhịn ăn trong tháng

này. Trong các hadith của Thiên sứ Muhammad (Hz. Peygamber) có rất nhiều câu chuyện về ý nghĩa của tháng Ramadan cũng như cách xác định thời điểm bắt đầu và kết thúc, thời gian diễn ra và các lễ cầu nguyện cụ thể trong tháng Ramadan. Tín đồ Islam xem Ramadan là tháng của sự kiên nhẫn, tôn thờ, thương xót, tha thứ và ân phước, với các đặc điểm⁵:

1) Laylat al-Qadr (Kadir gecesi) tức Đêm của Quyền lực là thời điểm Thánh kinh Qur'an được mặc khải diễn ra vào tháng Ramadan và theo các ayat (ayah, câu kinh) trong Qur'an cũng như các hadith thì tháng Ramadan phước lành hơn 1.000 tháng.

2) Việc nhịn ăn vốn là một trong năm trụ cột của tôn giáo Islam được thực hành trong tháng Ramadan thiêng liêng.

3) Theo lời dạy của Thiên sứ thì tội lỗi trong quá khứ của một tín đồ sẽ được tha thứ khi thực hiện lời cầu nguyện đặc biệt là Terâvih (Tarawih) trong tháng Ramadan.

4) Zakat al-Fitr (Fitre) hay Sadaqat al-Fitr (Fitr sadakası) là hình thức bố thí cần thực hiện vào cuối tháng Ramadan trước khi Eid (Bayram) bắt đầu. Các hadith chỉ ra rằng việc thực hiện bố thí vào tháng Ramadan tốt và hữu ích hơn các tháng khác. Vì lý do này, mặc dù việc bố thí là không bắt buộc, nhưng các Muslim đã thực hiện phong tục bố thí trong tháng Ramadan.

5) Vào cuối tháng Ramadan, việc thực hiện Ítikâf (I'tikaf) - dành một số ngày nhất định ở lại các thánh đường để cầu nguyện liên tục, tránh xa các công việc và cuộc sống trần tục trở thành truyền thống được chú ý.

6) Do tháng Ramadan còn được gọi là tháng của Kinh Qur'an nên tín đồ sẽ đọc kinh Qur'an và thiền định nhiều hơn.

Bởi các ý nghĩa và tầm quan trọng nêu trên mà tháng Ramadan luôn được chào đón nhiệt tình và háo hức bởi các tín đồ Islam giáo. Trong bối cảnh đó, có rất nhiều nghi thức, hoạt động tôn giáo và phong tục xã hội đặc trưng trong tháng Ramadan đã được hình thành khắp thế giới Islam giáo. Tại Thổ Nhĩ Kỳ, bằng thế giới quan của riêng mình, người Thổ Nhĩ Kỳ đã tiếp biến tháng Ramadan thành lối

sống đặc trưng riêng biệt với nhiều nghi lễ và lễ hội khác nhau, làm cho việc thực hành nhịn ăn trong tháng này trở nên thoải mái chứ không hề gò bó cứng nhắc.

2. Thời điểm bắt đầu và kết thúc của tháng Ramadan

Trong tôn giáo Islam, thời gian cầu nguyện, bữa ăn *sahur* và bữa ăn *iftar* được xác định dựa theo chuyển động của Mặt trời cũng như sự phân chia ngày và đêm. Còn với thời điểm bắt đầu của tháng Ramadan và ngày lễ thì dựa theo sự chuyển động của Mặt trăng là tháng Kamerî (tháng âm lịch Islam giáo). Tháng âm lịch bắt đầu bằng sự xuất hiện của “hilal” (trăng khuyết, trăng lưỡi liềm) ở phía tây. Chu kỳ một tuần trăng thường kéo dài 29 hoặc 30 ngày. Vì vậy để xác định thời điểm bắt đầu tháng âm lịch cần phải quan sát chuyển động của Mặt trăng. Sinh thời, Muhammad đã tính toán cẩn thận các ngày của tháng Sha’ban và cho rằng cần theo dõi trăng lưỡi liềm vào ngày thứ 29 của tháng Sha’ban để tính chính xác thời điểm bắt đầu tháng Ramadan. Hadith liên quan đến vấn đề này được ghi chép như sau: “*Khi nhìn thấy trăng lưỡi liềm hãy bắt đầu việc nhịn ăn, khi nhìn thấy trăng lưỡi liềm (sau đó) hãy ăn mừng (kết thúc tháng nhịn ăn). Nếu không thể nhìn thấy trăng lưỡi liềm (thời tiết nhiều mây) hãy hoàn thành việc nhịn ăn trong 30 ngày*”⁶. Sau ngày thứ 29 của tháng Sha’ban được gọi là “yevmi şek” (ngày ngờ vực). Nếu không thể quan sát trăng lưỡi liềm do nhiều mây, ngày này sẽ được xem là ngày ngờ vực vì không thể biết chắc đó là ngày cuối của tháng Sha’ban hay là ngày đầu của tháng Ramadan. Trong những trường hợp như vậy, tháng Sha’ban sẽ được tính là 30 ngày và ngày tiếp theo là bắt đầu của tháng Ramadan⁷.

Vào thời Ottoman để quan sát trăng lưỡi liềm vào tối ngày 29 tháng Sha’ban, những người có trách nhiệm sẽ được cử đến tháp Bayezit cũng như các tháp thánh đường lớn trong kinh thành Istanbul, như: Süleymaniye, Fatih, Sultan Selim và Cerrahpaşa. Nếu nhìn thấy trăng lưỡi liềm, ngay lập tức họ sẽ thông báo cho Kadı (thẩm phán tòa án tôn giáo) và chứng thực việc quan sát bằng cách nói “*Tối nay, từ tháp canh chúng tôi đã nhìn thấy trăng lưỡi liềm đầy điểm phúc. Chúng tôi làm chứng đêm nay là thời khắc bắt đầu của tháng Ramadan*”⁸. Những người được cử để quan sát trăng lưỡi liềm đều là những tín đồ

ngoan đạo, thành thật, đáng tin cậy và trong sạch, không phạm phải những điều cấm kỵ (haram) của Islam. Ngay khi nhận được tin, Kadı sẽ báo cho Şeyhülislâm (Shaykh al-Islam). Şeyhülislâm sẽ truyền tin cho Sadrazam (hay Vezîr-i âzam tức Đại tể tướng Ottoman) để trình tấu lên Padişah (Sultan Ottoman) xin phép bắt đầu tháng Ramadan. Sau khi có sự phê chuẩn của Padişah, các thánh đường sẽ được thắp sáng bằng đèn kandil và các đường trang trí mahya treo giữa các tháp thánh đường. Bằng cách đó sẽ thông báo cho mọi thần dân biết rằng tháng Ramadan đã bắt đầu⁹.

3. Sự chuẩn bị cho tháng Ramadan ở Thổ Nhĩ Kỳ vào thời kỳ Ottoman

Do rất được coi trọng nên việc chuẩn bị cho tháng Ramadan có thể tiến hành từ rất sớm, trước khi tháng Ramadan bắt đầu khoảng 2-3 tháng¹⁰. Sự chuẩn bị này diễn ra khắp mọi nơi ở Ottoman, từ hoàng cung đến các khu dinh thự, nhà ở và các thánh đường.

Trước hết, có thể kể tới sự chuẩn bị cho tháng Ramadan trong hoàng cung Ottoman. Lối sống của triều đình và vương thất luôn được lấy làm chuẩn mực và là tấm gương cho mọi thần dân trong đế quốc noi theo. Một trong các thông lệ quan trọng của triều đình vào tháng Ramadan là ban hành “Ramazan Tenbihnâmeleri” (Thông cáo Ramadan). Triều đình rất quan tâm đến tháng Ramadan nên đặt ra một số quy tắc chuẩn mực để người dân thực hiện trong tháng phước lành này, đồng thời để đảm bảo trật tự xã hội và nhằm đảm bảo môi trường thuận lợi nhất cho tháng Ramadan diễn ra tốt đẹp. Các quy tắc này được ghi chép trong các văn bản gọi là “Tenbihnâme” hoặc “Varaka-i Mahsûsa”. Một trong số các quy tắc được nhấn mạnh hơn cả là việc cầu nguyện đủ 5 lần mỗi ngày trong tháng Ramadan và mọi tín đồ nên tề tựu tại các thánh đường vào tất cả các giờ cầu nguyện¹¹. Việc ban ra các quy tắc chuẩn mực cho tháng Ramadan cho thấy triều đình Ottoman đã tạo điều kiện cho thần dân có một tháng Ramadan phước lành ý nghĩa.

Sự chuẩn bị cho tháng Ramadan trong dân chúng cũng diễn ra từ rất sớm, mở đầu bằng việc dọn dẹp nhà cửa và sắp xếp đồ đạc trong nhà. Người ta tin rằng việc dọn dẹp chuẩn bị cho tháng Ramadan sẽ

giúp họ thanh tẩy tội lỗi của mình, làm sạch cả tâm hồn lẫn thể xác. Bên cạnh việc dọn dẹp nhà cửa, nơi ở, một trong những việc quan trọng cần chuẩn bị cho tháng Ramadan là mua sắm và dự trữ lương thực, thực phẩm thiết yếu dùng cho các bữa ăn. Những người giàu có hoặc có điều kiện về tài chính sẽ mua lượng lớn thực phẩm để dự trữ. Trong tháng Ramadan người ta cho rằng thật đáng xấu hổ nếu chỉ mua nửa okka gạo, một okka đậu hay hai lít dầu¹². Trong khi những người thuộc tầng lớp bình dân chuẩn bị cho tháng Ramadan với tất cả những gì mà họ tích lũy trong cả năm. Còn những người nghèo khổ thì sẽ nhờ sự trợ giúp của các đoàn thể từ thiện gọi là vakıf. Các tổ chức này sẽ giúp người nghèo có một tháng Ramadan tốt hơn thông qua các hỗ trợ cần thiết. Những nhà hảo tâm hay các mạnh thường quân cũng tiến hành giúp đỡ cho người nghèo trong tháng Ramadan. Qua đó thể hiện giá trị mà tôn giáo Islam mang lại cho xã hội¹³. Sau khi mọi thứ đã được chuẩn bị chu toàn, mọi người sẽ đến các hamam (nhà tắm công cộng) để tắm rửa và sẵn sàng đón chào tháng Ramadan¹⁴.

Giống như hoàng cung, các dinh thự và nhà ở, việc chuẩn bị cho tháng Ramadan của các thánh đường cũng diễn ra rất sớm sáng từ vài tuần, thậm chí vài tháng trước khi Ramadan bắt đầu. Quá trình này bắt đầu với việc dọn dẹp thánh đường sạch sẽ và trải ngăn nắp thảm cầu nguyện. Bên trong và bên ngoài sân các thánh đường cũng được lau chùi và quét dọn cẩn thận. Đặc biệt, những thứ không thể thiếu trong tháng Ramadan như nến, dầu thắp, đèn kandil và các đường trang trí mahya treo giữa các tháp thánh đường cũng được chuẩn bị đầy đủ¹⁵. Mười lăm ngày trước khi tháng Ramadan bắt đầu, công việc trang trí các tháp thánh đường bằng đèn kandil và mahya được tiến hành. Đường trang trí mahya thường là những biểu ngữ như “*Merhaba, Ya Şehr-i Ramazan*” hay “*Hoş geldin, Ya Şehr-i Ramazan*” để chào đón tháng thiêng liêng này. Khi trăng lưỡi liềm xuất hiện, mahya và đèn kandil sẽ được thắp sáng như một cách báo hiệu cho người dân biết rằng tháng Ramadan đã bắt đầu¹⁶. Các hoạt động tôn giáo được chuẩn bị rất kỹ lưỡng cho tháng Ramadan, đặc biệt là về nhân sự cho việc đọc Kinh Qur’an, lời cầu nguyện terâvih và thuyết giáo. Ngoài ra, do vào tháng Ramadan, tín đồ dành nhiều thời gian để cầu nguyện hơn bất kỳ thời gian nào khác nên các thánh đường và nhà nguyện cũng

mở cửa đền sáng để mọi người có thể đến thực hiện các nghi lễ cầu nguyện một cách thoải mái¹⁷.

4. Việc thực hành nhịn ăn và sinh hoạt thường nhật trong tháng Ramadan thời Ottoman

Nhịn ăn là một trong năm trụ cột của Islam giáo, đồng thời cũng là nền tảng căn bản được thực hành xuyên suốt tháng Ramadan. Về mặt từ nguyên, nhịn ăn (tiếng Thổ Nhĩ Kỳ là *oruç*, tiếng Arab là *savm* hoặc *siyâm*) nghĩa là “tránh xa điều gì đó, giữ mình khỏi một điều gì đó, ngăn chặn”. Theo fikih (thuật ngữ giáo luật) thì nhịn ăn được hiểu là tránh các việc ăn uống có mục đích từ thời điểm imsak (trước khi Mặt trời mọc) đến iftar (khi Mặt trời lặn)¹⁸. Việc nhịn ăn trong tháng Ramadan đã được bắt buộc đối với mọi tín đồ Islam. Trong *Hadis-i Şerif* có đoạn “*Ramadan là một tháng mà Thượng đế Allah bắt buộc bạn phải nhịn ăn*”¹⁹. Việc nhịn ăn được thực hiện xuyên suốt tháng Ramadan (kéo dài 29 hoặc 30 ngày). Bất kỳ người bình thường nào cũng đều phải tuân thủ việc nhịn ăn, những ai bất tuân sẽ bị trừng phạt ở cả thế giới này lẫn thế giới tiếp theo²⁰. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp ngoại lệ được miễn nhịn ăn gồm người bị bệnh hoặc nếu nhịn ăn sẽ khiến cho bệnh kéo dài không thuyên giảm. Những hành khách có chuyến đi dài thì có thể nhịn ăn hoặc không tùy theo tình hình của mỗi người²¹.

Thực hành nhịn ăn góp phần tăng ý nghĩa và giá trị tinh thần của tháng Ramadan. Được xem là tháng của sự kiên nhẫn, thánh chiến, chinh phục và chiến thắng nên việc nhịn ăn, nhịn uống trong tháng Ramadan giúp rèn luyện bản ngã, tính kiên nhẫn và nâng cao tinh thần, đồng thời hạn chế các thói hư tật xấu. Việc nhịn ăn là phương tiện kiểm chế lòng tham của thế gian. Trong khi nhịn ăn đấu tranh với bản ngã thì thánh chiến chống lại những kẻ thù của Islam. Kiên nhẫn, bền bỉ và chân thành trong thánh chiến cũng giống như nhịn ăn. Phần thưởng của những người tham gia thánh chiến (*mücahit/ mujahidden*) tương đương với phần thưởng của người nhịn ăn²². Cũng giống như đọc Kinh Qur'an và cầu nguyện, nhịn ăn là phương tiện để tôn thờ Allah và là con đường hướng dẫn tín đồ vươn lên cấp độ của thiên thần. Theo cách này, những ai thực hành nhịn ăn là những người gần

gửi nhất với Thượng đế²³. Con đói của một tín đồ sẽ tạo sự gần gũi của họ đối với Thượng đế. Trái tim trở nên mỏng manh, bản ngã bị phá vỡ, những tham vọng xấu cũng bị kiềm hãm. Việc cầu nguyện và thờ phượng trong lúc nhịn ăn sẽ dễ dàng hơn. Trong cơn đói, cơ thể cũng khỏe mạnh và bệnh tật được hoãn lại²⁴. Nhà tiên tri Muhammad chỉ rằng những ai nhịn ăn trong tháng Ramadan sẽ đi qua cổng “Reyyan” trên thiên đường. Những người thực hành chay tịnh sẽ được thanh tẩy khỏi các tội lỗi, lòng mộ đạo (takva/taqwa) của họ sẽ tăng lên và họ sẽ có đạo đức tốt. Nói cách khác, việc nhịn ăn giúp con người tránh khỏi những hành vi xấu xa²⁵.

Trong tháng Ramadan, nhằm giúp việc nhịn ăn trở nên dễ dàng hơn, các tín đồ sẽ tận dụng vào *sahur* là bữa ăn trước bình minh và *iftar* là bữa ăn sau *ezan* (*azan*, lời kêu gọi cầu nguyện) lúc hoàng hôn, nghĩa là sự phá vỡ nhịn ăn. Một hadith chỉ ra tầm quan trọng của *sahur*: “*Hãy tận dụng bữa ăn sahur để đảm bảo sức bền của bạn cho một ngày trôi qua và tận dụng giấc ngủ buổi sáng để thức đêm đọc kinh*”²⁶.

Để báo hiệu cho bữa ăn *sahur* đầu tiên của tháng Ramadan, người Thổ Nhĩ Kỳ thời Ottoman có phong tục đánh trống và phong tục này vẫn còn lưu truyền đến ngày nay. Các *Davulcu* (người đánh trống) sẽ rảo quanh khắp các phố phường, ngõ hẻm để báo thức. Người lớn tuổi nhất trong nhà khi nghe tiếng trống đánh sẽ đánh thức mọi người dậy để chuẩn bị cho *sahur*. Bữa ăn *sahur* thường đơn giản hơn so với bữa ăn *iftar* nhưng cũng được chuẩn bị chu đáo. Các loại mì ống, mì sợi, bánh xếp *kete* hoặc bánh nướng *çörek* cùng với các loại nước trái cây *şerbet* là những hương vị không thể thiếu trên bàn ăn *sahur*²⁷. Sau bữa ăn *sahur* sẽ đến giờ cầu nguyện sáng. Nếu tháng Ramadan trùng vào mùa hè thì sau *sahur*, người ta thường sẽ tiếp tục đi ngủ cho đến trưa²⁸.

Trong tháng Ramadan, các cơ quan của triều đình thường chỉ làm việc nửa ngày. Tuy không phải bắt buộc nhưng giờ làm việc này được mặc nhiên thừa nhận một cách không chính thức. Công việc bắt đầu từ sáng muộn và kết thúc trước giờ cầu nguyện chiều. Sau giờ cầu nguyện, các tín đồ có thể tham dự nghe bài thuyết giáo tại các thánh đường do các *hoca* hoặc *hâfiz* nổi tiếng đảm trách²⁹. Khi gần đến giờ ăn *iftar*, mọi người sẽ trở về nhà để chuẩn bị. Cách sắp xếp bàn ăn

iftar, các món ăn chuẩn bị và khách được mời tham dự iftar là một trong những yếu tố thể hiện giá trị văn hóa của xã hội Ottoman trong tháng Ramadan. Bữa ăn iftar thường được mở đầu bằng việc uống nước *zemez* (*zamzam*, nước lấy từ giếng gần Kaaba ở thánh địa Mecca) và ăn trái chà là (*hurma*)³⁰. Việc ăn chà là trong iftar là một phong tục có tính thiêng liêng bởi một trong số các loại chà là đã được chính sứ giả Muhammad trồng sau khi tới Medina. Trong Kinh Qur'an cũng có 20 chỗ nhắc tới chà là³¹. Theo truyền thống, bữa ăn iftar gồm hai phần: đầu tiên là *iftariyelik* hay *iftariye* giống như khai vị, kế đến là giờ cầu nguyện tối rồi mới tới bữa ăn chính. Bữa ăn khai vị được chuẩn bị rất phong phú gồm nhiều loại mứt, phô-mai, ô-liu, xúc xích, mì ống, bánh mì và dưa chua đựng trong các đĩa nhỏ xếp trên một khay lớn³². Bánh mì vốn là lương thực chính của người Thổ rất được coi trọng trong tháng Ramadan hơn các thời điểm khác. Có hẳn một loại bánh mì dành riêng cho tháng Ramadan gọi là *Ramazan pidesi*³³.

Sau giờ cầu nguyện tối sẽ là bữa ăn iftar chính, mở đầu với các loại súp đa dạng tùy theo mùa diễn ra tháng Ramadan, trong đó quan trọng nhất là *işkembe çorbası* (súp ba chỉ hầm). Một điều đặc biệt là vào tháng Ramadan trong xã hội Ottoman, người ta sẽ không nấu và ăn các loại cá cũng như thủy hải sản³⁴. Tiếp theo món súp thường sẽ là món trứng hành tây, sau đó đến các món thịt đa dạng như thịt nướng (*kebab*), thịt sườn, thịt hầm hoặc thịt viên (*köfte*). Trong bữa ăn iftar còn có các loại bánh *börek*, món rau và tráng miệng³⁵. Các món tráng miệng thường được chuẩn bị cho bàn ăn iftar có thể kể đến *güllaç*, *helva* và *baklava*. Đặc biệt, *baklava* giữ một vị trí khá quan trọng trong tháng Ramadan, được mô tả là “Ehl-i Keyf” (sự biết thưởng thức)³⁶. Vào tháng Ramadan hầu như trong các bữa iftar đều có *baklava*. Sau iftar thì người Thổ thường sẽ uống cà phê như một truyền thống lâu đời vào thời Ottoman.

Một phong tục khác có vị trí quan trọng trong tháng Ramadan vào thời Ottoman là việc mời tham dự iftar. Lời mời dự iftar thường mở rộng cho tất cả mọi người, không phân biệt giàu nghèo. Thậm chí đối với các bữa ăn iftar quy mô lớn tại các dinh thự hay địa điểm cộng đồng, bất kỳ ai cũng có thể tham dự mà không cần quan tâm tới việc

có lời mời hay không³⁷. Đối với triều đình, từ ngày đầu đến ngày thứ 9 của tháng Ramadan, lời mời iftar sẽ được gửi đến quần thần lần lượt theo thứ tự. Bữa ăn iftar này gọi là *Iftar-ı Seniyye*. Tuy nhiên Padişah lại không có mặt trong bữa iftar này. Ghế của ngài sẽ được để trống. Đó là bởi vì theo truyền thống của hoàng cung thì Padişah thường dùng bữa một mình³⁸.

Điều đáng chú ý nhất xuyên suốt tháng Ramadan là việc giúp đỡ từ thiện và bố thí. Thực hiện *zekât* (zakat, bố thí) vốn là một trụ cột của Islam. Các tín đồ sẽ giúp đỡ người nghèo bằng nhiều cách thức trong khả năng tài chính của mình. Vào tháng Ramadan, họ càng trở nên hào phóng trong việc từ thiện và làm phúc. Người ta tin rằng tránh xa haram và cạnh tranh với nhau về lòng tốt sẽ giúp thu thập các phúc lành của tháng Ramadan về bản thân mình³⁹. Những người giàu có hoặc có điều kiện sẽ mở tiệc iftar mời người nghèo khó, đồng thời giúp đỡ họ về vật chất, tiền bạc, quần áo và thực phẩm. Thậm chí còn có cả phong tục vào tháng Ramadan những người giàu sẽ đi quanh các khu phố và tìm các cuốn sổ nợ ở các cửa hàng tạp hóa để trả cho người mắc nợ mà họ không hề hay biết⁴⁰. Những nhà hảo tâm chuyên làm từ thiện thường không muốn ai biết tới cũng như những người khốn khó chỉ cần trợ giúp đủ với nhu cầu của họ mà không đòi hỏi quá nhiều. Ở một số thánh đường hoặc tòa nhà, dưới cửa sổ hoặc ở góc tường sẽ có treo những chiếc túi nhất định. Cá nhân nhà hảo tâm sẽ bỏ tiền vào túi này và những người nghèo sẽ lấy mà không cần biết ai đã tặng nó⁴¹. Trong tháng Ramadan, các tổ chức từ thiện cũng thường xuyên phân phát thực phẩm cho người nghèo và tổ chức các bữa ăn iftar cộng đồng. Đặc biệt nơi luôn giúp đỡ và tăng thêm tình đoàn kết đồng đạo trong tháng Ramadan chính là các “lều iftar”. Đây là địa điểm hàng trăm, thậm chí hàng nghìn người thuộc về mọi tầng lớp, địa vị xã hội khác nhau, không phân biệt giàu nghèo cùng được đón tiếp cho bữa ăn iftar⁴².

Có thể thấy, trong suốt tháng Ramadan, các tín đồ ngoài việc giữ cho cuộc sống thanh tịnh, tránh xa tội lỗi và có những điều có hại, thì việc luôn vui vẻ, rộng lượng và quan tâm giúp đỡ đến người khác đã góp phần tạo nên một lối sống kiểu Ramadan điển hình. Những người

không phải Muslim cũng tôn trọng việc nhịn ăn của tín đồ Islam. Trong khoảng thời gian từ imsak đến iftar, những người không phải Muslim sẽ không đi lại với thức ăn trên tay ở bất kì nơi công cộng nào, chỉ khi ở riêng một mình thì họ mới ăn uống⁴³. Điều này phản ánh tinh thần hòa hợp giữa những cộng đồng tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau trong xã hội Thổ Nhĩ Kỳ thời kỳ Ottoman.

5. Các nghi thức cầu nguyện và hoạt động tôn giáo trong tháng Ramadan thời Ottoman

Cùng với việc nhịn ăn ban ngày, ăn sahur trước khi Mặt trời mọc và ăn iftar khi Mặt trời lặn, lời cầu nguyện *terâvih* (tarawih) có ý nghĩa như một tổng thể cấu thành nên giá trị thiêng liêng của tháng Ramadan. Về mặt từ nguyên, *terâvih* (ال تراويح) trong tiếng Ả Rập là hình thức số nhiều của *tervîha*, có nghĩa “thư giãn, nghỉ ngơi”. Đó là lời cầu nguyện đặc biệt được thực hiện sau giờ cầu nguyện ban đêm (yatsı namazı). Lời cầu nguyện này được gọi là “Kıyâmü Şehr-i Ramazân” (lời cầu nguyện trong tháng Ramadan) hoặc “İhyâu Leyâlî Ramazân” (hồi sinh những đêm Ramadan) vì nó được thực hiện để nghỉ ngơi sau lời cầu nguyện bốn *rek'at*⁴⁴. Theo đức tin Islam, *terâvih* là lời cầu nguyện thiêng liêng do đích thân thiên sứ Muhammad dẫn dắt. Thiên sứ chính là người đầu tiên thực hiện lời cầu nguyện *terâvih* với cộng đồng (cemaat) của mình⁴⁵. Lời cầu nguyện *terâvih* trong tháng Ramadan cũng là khoảnh khắc mà tín đồ Islam hiểu rõ nhất về ý nghĩa của tháng Ramadan.

Lời cầu nguyện *terâvih* tại các thánh đường vào thời Ottoman hầu như không khác biệt so với ngày nay. *Terâvih* được thực hiện không liên tục và kéo dài khoảng 20 *rek'at*. Ở cuối mỗi bốn *rek'at*, các tín đồ và giáo sĩ (muezzin) sẽ chọn lựa các bản *ilâhi* (thánh ca) đặc biệt để tụng. Thông thường người ta sẽ chọn các bản *ilâhi* chào mừng tháng Ramadan (Hoş geldin Ramazan ilâhileri) cho 20 ngày đầu và các bài *ilâhi* tạm biệt tháng Ramadan (Elveda Ramazan ilâhileri) cho 10 ngày cuối của tháng Ramadan. Trong lúc cầu nguyện, imam cũng sẽ đọc Kinh Qur'an với âm điệu của bản *ilâhi*⁴⁶. Đối với những người cầu nguyện *terâvih* tại nhà, các buổi cầu nguyện này sẽ được thực hiện riêng biệt tại nơi gọi là *haremlük* và *selamlük*. Về phần phụ nữ, mặc dù

trong thánh đường có những chỗ được bố trí để phụ nữ thực hành cầu nguyện *terâvih*, nhưng các phụ nữ có con nhỏ thường sẽ tập trung tại một ngôi nhà trong phố để cầu nguyện vì họ khó đến thánh đường. Sau khi cầu nguyện, họ ngồi với nhau để tụng các bản *ilâhi* và quan sát các đứa trẻ chơi đùa, dùng đồ ăn nhẹ và trở về nhà trước khi chong của mình về⁴⁷.

Đối với triều đình Ottoman, Padişah và các Şehzade (vương tử) sẽ thực hiện lời cầu nguyện *terâvih* với các *hâfiz* và đồng thời tụng các bản *ilâhi* giữa mỗi *terâvih*. Lễ cầu nguyện *terâvih* dành cho triều đình có tên gọi chính thức là *Enderûn Terâvihi*, có thể diễn ra tại hoàng cung, thánh đường hoàng gia (Selatin camii) hoặc các đại thánh đường trong kinh thành⁴⁸.

Bên cạnh lễ cầu nguyện *terâvih*, do có ý nghĩa về mặt tinh thần nên vào tháng Ramadan cũng diễn ra rất nhiều nghi thức và hoạt động tôn giáo khác nhau. Một trong số đó có thể kể tới việc tham dự các buổi thuyết giảng Kinh Qur'an (tefsir) của Padişah. Do diễn ra tại địa điểm có tên gọi là Huzûr-ı Hümâyûn nên các bài giảng này được gọi là "Huzûr Dersleri"⁴⁹. Các bài giảng này thường diễn ra vào giữa giờ cầu nguyện trưa và chiều, được đảm trách bởi các học giả (*ulemâ*) hàng đầu rất được coi trọng của Ottoman. Ở các buổi thuyết giảng này, học giả thuyết pháp được gọi là "Mukarrir", học giả tiến hành tranh luận gọi là "Tâlib", còn những người tham dự gọi là "Muhâtap"⁵⁰.

Một hoạt động tôn giáo khác diễn ra trong tháng Ramadan là việc viếng thăm Hırka-ı Şerif vào ngày thứ 15 của tháng Ramadan⁵¹. Hırka-ı Saadet trong hoàng cung Ottoman là nơi cất giữ các thánh tích và di vật như áo choàng của Muhammad nên việc viếng thăm nơi này được gọi là Hırka-ı Şerif. Nghi thức viếng thăm bao gồm một đám rước gọi là "Hırka-ı Saadet Alayı"⁵², được tổ chức với chính sự tham dự của Padişah, cùng các cận thần như Đại tể tướng và Bâbüssaâde Ağası (Tổng quản nội cung). Nhằm bày tỏ sự tôn kính đối với Thiên sứ, những người tham dự đều phải đứng mà tuyệt nhiên không được ngồi.

Trong khi đó tại dân gian cũng lưu truyền nghi thức viếng thăm Sakal-ı Şerif - tức chiêm bái những sợi râu thiêng liêng của Muhammad được lưu truyền từ thời này sang thời khác. Các di vật

này được phổ biến khắp thế giới Islam và sẽ được các thánh đường đem ra vào đêm Kadir hoặc đêm cuối của tháng Ramadan để mọi người đến viếng nhằm bày tỏ sự tôn kính với Thiên sứ Muhammad. Phong tục truyền thống có từ thời Ottoman này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay với tên gọi “Lihye-i Seadet”⁵³.

Vào tháng Ramadan, các tín đồ cũng thường xuyên viếng thăm lăng mộ của những học giả, nhà hiền triết nổi tiếng và tôn kính. Đáng chú nhất trong số các lăng mộ được viếng thăm là của Eyyûp el-Ensari (Ayyub al-Ansari) - những người đồng hành của Muhammad, được Thiên sứ thuật lại là “Một ngôn sứ sẽ được chôn dưới cùng của bức tường Konstantiniyye”⁵⁴. Các tín đồ khi viếng thăm các lăng mộ sẽ cầu nguyện và tin rằng sẽ được ban sức mạnh tinh thần từ những đấng ân phúc thiêng liêng.

Trong số những ngày và đêm mà tín đồ Islam tin rằng có ý nghĩa thiêng liêng thì đêm Kadir tức Đêm Quyên lục - thời điểm Thánh kinh Qur'an được tiết lộ có một vị trí đặc biệt nhất. Theo quan niệm của thần học Islam, đêm Kadir trùng với một trong các đêm lẻ của 10 ngày cuối tháng Ramadan, nhưng đặc biệt là đêm thứ 21 hoặc thứ 27⁵⁵. Các tín đồ Islam rất coi trọng việc dành thời gian để cầu nguyện trong đêm Kadir. Đêm hồng phúc thiêng liêng này cũng trở thành một truyền thống quan trọng trong xã hội Ottoman với việc cầu nguyện độc đáo cùng các hoạt động lễ nghi liên quan. Vào đêm Kadir, tại khắp các thánh đường việc cầu nguyện và đọc kinh Qur'an sẽ diễn ra liên tục cho đến giờ cầu nguyện sáng. Các thánh đường vốn sẵn đông đúc trong suốt tháng Ramadan càng trở nên đông đúc hơn vào đêm Kadir bởi hầu như mọi tín đồ đều sẽ đến thánh đường để cầu nguyện⁵⁶. Đáng chú ý, vào đêm Kadir các Padişah sẽ đến các thánh đường hoàng gia để cầu nguyện và nghe đọc Kinh Qur'an. Tháp tùng theo Padişah là các tùy tùng trong triều đình được gọi là “Kadir Alayı” (Lễ rước Kadir)⁵⁷.

6. Lễ Ramadan ở Thổ Nhĩ Kỳ vào thời Ottoman

Sau 15 ngày đầu tiên của tháng Ramadan, mọi người bắt đầu chuẩn bị cho lễ mừng kết thúc Ramadan là Ramazan Bayramı (tiếng Ả Rập là Eid al-Fitr). Về từ nguyên, *bayram* trong tiếng Thổ Nhĩ Kỳ có nguồn gốc tiếng Ba Tư là *bezrem/bezram* với nghĩa “ngày vui và giải

trí”, về sau biến đổi âm thành *beyrem* hay *bayram*⁵⁸. Ramazan Bayramı cùng với Kurban Bayramı (Eid al-Adha, tức Lễ hiến tế, tế sinh) là một trong hai lễ hội trọng đại của tôn giáo Islam. Để xác định ngày kết thúc tháng Ramadan và bắt đầu lễ, người ta cũng quan sát trăng lưỡi liềm giống như cách đã xác định ngày bắt đầu tháng Ramadan. Ngày trước *bayram* gọi là “Arefe” (về sau gọi trại âm đi là *arife*). Bayram thường được thông báo sau giờ cầu nguyện chiều ngày *arife* với việc quan sát trăng lưỡi liềm (ruyet-i hilal) và sẽ kéo dài liên tục ba ngày đầu của tháng Şevval⁵⁹.

Giống như toàn bộ thế giới Islam, lễ Ramadan rất được coi trọng trong xã hội Ottoman và mọi người chuẩn bị rất chu đáo cho lễ hội này. Trên các tháp thánh đường, người ta bắt đầu treo các đường mahya với biểu ngữ “Elveda Ya Şehri Ramazan” thay cho biểu ngữ “Merhaba Ya Şehri Ramazan”. Ở Thổ Nhĩ Kỳ, đặc biệt là tại vùng Anatolia do có truyền thống chuẩn bị rất nhiều bánh kẹo và đồ ngọt để tiếp đãi khách nên lễ Ramadan còn được gọi là “Şeker Bayramı” (Lễ bánh kẹo)⁶⁰. Vào buổi sáng ngày đầu tiên của lễ Ramadan, các tháp thánh đường sẽ vang lên lời kêu gọi cầu nguyện cho bayram. Buổi lễ cầu nguyện bayram (Bayram namazı, Salat al-Eid) rất đông đúc, đôi khi bên trong thánh đường không còn chỗ nên người tham dự phải cầu nguyện ngoài sân thánh đường. Ngay sau lễ cầu nguyện là phong tục chúc mừng bayram (bayramlaşma), được thực hiện với việc hôn tay các trưởng bối, người lớn tuổi và nhận lời chúc phúc từ họ. Trước khi trở về nhà sau lễ cầu nguyện, người ta sẽ đến các nghĩa trang để viếng mộ người thân quá cố⁶¹. Trong số những lứa tuổi đón mừng bayram phấn khởi nhất có lẽ là trẻ em. Vào bayram, trẻ em trong phố thường sẽ gõ cửa nhà hàng xóm, chúc mừng bayram sau đó nhận kẹo và tiền mừng lễ (bayram harçlığı) từ người lớn. Những người thân, họ hàng từ xa cũng sẽ đến viếng thăm và chúc mừng bayram trong suốt thời gian diễn ra lễ Ramadan⁶².

Nghi lễ chúc mừng bayram tại triều đình được gọi là “Muayede Alayı”, được tổ chức giữa giờ cầu nguyện sáng và buổi cầu nguyện bayram. Những người tham dự nghi lễ này thường đến cung điện từ nửa đêm để chuẩn bị. Sau khi nghi lễ kết thúc, Padişah sẽ ngồi trên ngai vàng đặt tại Has Oda (Phòng Cơ mật) để nhận lời chúc mừng của

nội cung. Nghi thức diễn ra tại nội cung được gọi là “Muayede-i Havas”, trong khi nghi lễ diễn ra trước các quần thần gọi là “Muayede-i Umumî”⁶³.

Kết luận

Những mô tả nêu trên đã phác họa phần nào nguồn gốc, ý nghĩa cũng như sinh hoạt và các nghi lễ tôn giáo diễn ra trong tháng Ramadan hết sức thiêng liêng ở Thổ Nhĩ Kỳ thời kỳ Ottoman. Từ khía cạnh văn hóa tôn giáo có thể thấy dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ đã biến tháng nhịn ăn trở thành một lối sống hết sức gần gũi và độc đáo, gần như là ngày hội của tất cả mọi người. Đối với họ, Ramadan không chỉ đơn thuần là tháng nhịn ăn mà còn là những trải nghiệm về không khí lễ hội diễn ra xuyên suốt tháng này. Bên cạnh việc tiếp thu và duy trì các giới luật, tư tưởng thần học căn bản liên quan đến nghi thức cầu nguyện, sinh hoạt thường nhật vào tháng Ramadan, người Thổ Nhĩ Kỳ còn phát triển thêm các nghi lễ, phong tục truyền thống khác liên quan tới Ramadan trên cơ sở văn hóa-xã hội của chính mình. Đáng lưu ý, tinh thần đoàn kết xã hội, tương thân tương trợ giúp đỡ lẫn nhau và kết nối, hòa hợp giữa các dân tộc, cộng đồng trong tháng Ramadan đã để lại nhiều bài học ý nghĩa. Ngày nay, những phong tục truyền thống diễn ra vào tháng Ramadan như thắp đèn kandil, treo các đường trang trí mahya giữa các tháp thánh đường, chuẩn bị thực phẩm đặc biệt dành riêng cho tháng Ramadan, giúp đỡ người nghèo, thông báo thời gian cho bữa sahur bằng cách đánh trống, và lời mời ăn iftar vẫn tiếp tục được duy trì ở Thổ Nhĩ Kỳ theo các hình thức khác nhau./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Hacı Mehmet Güney (2007), “Ramazan”, *TDV İslâm Ansiklopedisi*, Cilt 34, İstanbul: İSAM, s. 433.
- 2 Hacı Mehmet Güney, *A.g.m.*, s. 433.
- 3 Gül Bezci (2018), *Osmanlı Toplumunda Ramazan Kültürü*, Yayınlanmamış Yüksek Lisans Tezi, Dumlupınar Üniversitesi, s. 31.
- 4 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 32.
- 5 Hacı Mehmet Güney, *A.g.m.*, s. 434.
- 6 Buhari, Savm 5 & Nesai, Savm 10. Dẫn theo Fadime Aşık (2019), *Osmanlı İstanbul’unda Ramazan Kültürü ve Ramazan Sofraları*, Yayınlanmamış Yüksek Lisans Tezi, Sakarya Üniversitesi, s. 27.

- 7 Fadime Aşık, *A.g.e.*, s. 28.
- 8 Tolga Uslubaş (2006), *Böyleydi Osmanlı'nın Ramazan'ı*, İstanbul: Yağmur Yayınları, s. 20.
- 9 Fadime Aşık, *A.g.e.*, s. 29.
- 10 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 67.
- 11 Fadime Aşık, *A.g.e.*, s. 6.
- 12 Ziya Şakir (2012), *Osmanlı Döneminde İstanbul Ramazanları*, İstanbul: Akıl Fikir Yayınları, s. 8.
- 13 Ömer Özden (2006), "Türk Ramazan Kültürü", *A.Ü. Türkiyat Araştırmaları Enstitüsü Dergisi*, Sayı 30, s. 86.
- 14 Fadime Aşık, *A.g.e.*, s. 8.
- 15 Ziya Şakir, *A.g.e.*, s. 12.
- 16 Fadime Aşık, *A.g.e.*, s. 13.
- 17 Fadime Aşık, *A.g.e.*, s. 22.
- 18 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 34.
- 19 Kemal Sandıkçı (1978), "Hadislerle Ramazan ve Oruç", *Diyanet Dergisi*, 17:3, s. 217.
- 20 Hasan Çelikkaya (1969), "Ramazan ve Oruç", *İslâm Medeniyeti*, 2:24, s. 11.
- 21 Musa Yılmaz (1990), "Ramazan Orucu ve Hikmetleri", *Diyanet Dergisi*, 26:2, s. 20.
- 22 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 33.
- 23 Ali Özek (1968), "Ramazan Orucu", *İslâm Medeniyeti*, 2:16, s. 10.
- 24 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 35.
- 25 İbrahim Tozlu (2007), *Onbir Ayın Sultanı*, İstanbul: Semerkand Yayıncılık, s. 22-25.
- 26 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 35.
- 27 Ömer Özden, *A.g.m.*, s. 86.
- 28 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 74.
- 29 Fadime Aşık, *A.g.e.*, s. 23.
- 30 Mithad Sertoğlu (2000), "İftar Sofrası", *Ramazan Kitabı*, İstanbul: Kitabevi Yayıncılık, s. 68-69.
- 31 Osman Doğan - Soner Demirsoy (ed. 2015), *Nerede O Eski Ramazanlar*, İstanbul: Çamlıca Yayınları, s.101-104.
- 32 Mithad Sertoğlu, *A.g.m.*, s. 68.
- 33 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 79.
- 34 Mithad Sertoğlu, *A.g.m.*, s. 69.
- 35 Refik Halid Karay (2015), "İftar ve Sahur Yemekleri", *Dersâdet'te Ramazan Akşamları*, İstanbul: Kubbealtı Yayınları, s. 353-356.

- 36 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 82.
- 37 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 82.
- 38 Ragıp Akyavaş (2000), *Âsitâne I. Evvel Zaman İçinde İstanbul*, Ankara: Türkiye Diyanet Vakfı Yayınları, s. 337.
- 39 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 97.
- 40 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 98.
- 41 Osman Doğan - Soner Demirsoy, *A.g.e.*, s. 98.
- 42 Ertuğrul Tarık Kara (ed. 2006), *Tarihte Ramazan*, İzmir: Hazine Yayınlar, s. 104-105.
- 43 Gül Bezci, *Age*, s. 58.
- 44 Saffet Köse (2011), “Terâvih”, *TDV İslâm Ansiklopedisi*, Cilt 40, İstanbul: İSAM, s. 482.
- 45 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 86.
- 46 Ertuğrul Tarık Kara, *A.g.e.*, s.71.
- 47 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 87.
- 48 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 88.
- 49 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 89.
- 50 Ertuğrul Tarık Kara, *A.g.e.*, s. 20.
- 51 Nurhan Atasoy (1998), “Hırka-i Saâdet”, *TDV İslâm Ansiklopedisi*, Cilt 17, İstanbul: İSAM, s. 374.
- 52 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 94.
- 53 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 96.
- 54 Abdullah Kara - Hilal Kara (2006), *Ümit Elçisi Ebû Eyyûb El- Ensârî*, İstanbul: Seza Yayınları, s. 87.
- 55 Abdülbâki Gölpınarlı (2011), *Ramazan Geldi Hoş Geldi*, İstanbul: Kevser Yayınları, s. 35.
- 56 Fadime Aşık, *A.g.e.*, s. 91.
- 57 Fadime Aşık, *A.g.e.*, s. 92.
- 58 Sargon Erdem (1992), “Bayram”, *TDV İslâm Ansiklopedisi*, Cilt 17, İstanbul: İSAM, s. 257.
- 59 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 129.
- 60 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 126.
- 61 Tolga Uslubaş, *A.g.e.*, s. 116.
- 62 Fadime Aşık, *A.g.e.*, s. 98.
- 63 Gül Bezci, *A.g.e.*, s. 130.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abdullah Kara - Hilal Kara (2006), *Ümit Elçisi Ebû Eyyûb El- Ensârî*, İstanbul: Seza Yayınları.
2. Abdülbâki Gölpınarlı (2011), *Ramazan Geldi Hoş Geldi*, İstanbul: Kevser Yayınları.
3. Ali Özek (1968), “Ramazan Orucu”, *İslâm Medeniyeti*, 2:16, 8-13.
4. Ertuğrul Tarık Kara (ed. 2006), *Tarihte Ramazan*, İzmir: Hazine Yayınlar.
5. Fadime Aşık (2019), *Osmanlı İstanbul’unda Ramazan Kültürü ve Ramazan Sofraları*, Yayımlanmamış Yüksek Lisans Tezi, Sakarya Üniversitesi.
6. Gül Bezci (2018), *Osmanlı Toplumunda Ramazan Kültürü*, Yayımlanmamış Yüksek Lisans Tezi, Dumlupınar Üniversitesi.
7. Hacı Mehmet Güney (2007), “Ramazan”, *TDV İslâm Ansiklopedisi*, Cilt 34, İstanbul: İSAM, 433-435.
8. Hasan Çelikkaya (1969), “Ramazan ve Oruç”, *İslâm Medeniyeti*, 2:24, 11-14.
9. İbrahim Tozlu (2007), *Onbir Ayın Sultanı*, İstanbul: Semerkand Yayıncılık.
10. Kemal Sandıkçı (1978), “Hadislerle Ramazan ve Oruç”, *Diyanet Dergisi*, 17:3, 215-216.
11. Mithad Sertoğlu (2000), “İftar Sofrası”, *Ramazan Kitabı*, İstanbul: Kitabevi Yayıncılık.
12. Musa Yılmaz (1990), “Ramazan Orucu ve Hikmetleri”, *Diyanet Dergisi*, 26:2, 9-34.
13. Nurhan Atasoy (1998), “Hırka-i Saâdet”, *TDV İslâm Ansiklopedisi*, Cilt 17, İstanbul: İSAM, 374-377.
14. Osman Doğan - Soner Demirsoy (ed. 2015), *Nerede O Eski Ramazanlar*, İstanbul: Çamlıca Yayınları.
15. Ömer Özden (2006), “Türk Ramazan Kültürü”, *A.Ü. Türkiyat Araştırmaları Enstitüsü Dergisi*, Sayı 30, 83-109.
16. Ragıp Akyavaş (2000), *Âsitâne I. Evvel Zaman İçinde İstanbul*, Ankara: Türkiye Diyanet Vakfı Yayınları.
17. Refik Halid Karay (2015), “İftar ve Sahur Yemekleri”, *Dersaâdet’te Ramazan Akşamları*, İstanbul: Kubbealtı Yayınları.
18. Saffet Köse (2011), “Terâvih”, *TDV İslâm Ansiklopedisi*, Cilt 40, İstanbul: İSAM, 482-483.
19. Sargon Erdem (1992), “Bayram”, *TDV İslâm Ansiklopedisi*, Cilt 17, İstanbul: İSAM, 257-259.
20. Tolga Uslubaş (2006), *Böyleydi Osmanlı’nın Ramazan’ı*, İstanbul: Yağmur Yayınları.
21. Ziya Şakir (2012), *Osmanlı Döneminde İstanbul Ramazanları*, İstanbul: Akıl Fikir Yayınları.

Abstract**RAMADAN IN TURKEY DURING THE OTTOMAN PERIOD****Lu Vi An***University of Istanbul, Turkey*

Ramadan (pronounced Ramazan in Turkish) is the ninth month of the Hijri (Islamic calendar). According to the faith of Muslims worldwide, Ramadan has a sacred meaning because it is a month of fasting, almsgiving, and prayer to show respect to Allah. The practice of fasting is also one of the Five Pillars of Islam during Ramadan lasting for 29 or 30 days. After Ramadan, Muslims celebrate Eid al-Fitr (Ramazan Bayramı in Turkey) lasting for 3 days. This is one of the two most important religious festivals of the year for Muslims. This article indicates the origin and meaning of Ramadan and the features of Ramadan in Turkey during the period of Ottoman. The article consists of the preparation for Ramadan, the practice of fasting, the related religious rites, and the celebration of Ramadan in Ottoman-era Turkey.

Keywords: Ramadan; fasting (sawm); Islam; Turkey; Ottoman.

Phụ lục**Bảng 1: Một số thuật ngữ tôn giáo liên quan đến tháng Ramadan**

	Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ	Tiếng Ả Rập	Ý nghĩa
1	Hicrî takvim	At-taqwim al-hijri	Lịch Hijri
2	Ramazan	Ramadan	Tháng thứ chín của lịch Hijri
3	Şâban	Sha'ban	Tháng thứ tám của lịch Hijri
4	Şevval	Shawwal	Tháng thứ mười của lịch Hijri
5	Şehr-i Ramazân		Tháng Ramadan (Tháng của Allah)
6	Şehr-i Sıyam		Tháng nhịn ăn
7	Hız. Peygamber	Muhammad	Nhà Tiên tri Muhammed
8	Hilal	Hilal	Trăng lưỡi liềm
9	Oruç	Sıyâm/savm	Nhịn ăn
10	İmsak	İmsak	Thời khắc bắt đầu nhịn ăn (trước khi Mặt trời mọc)
11	Sahur	Sahur/Suhur	Bữa ăn trước imsak
12	İftar	İftar	Bữa ăn sau khi Mặt trời lặn
13	Zekât	Zakat	Bố thí

14	Fitr sadakası	Sadaqat al-Fitr Zakat al-Fitr	Việc từ thiện cần thực hiện vào cuối tháng Ramadan
15	Kadir gecesi	Laylat al-Qadr	Đêm của Quyên lục
16	Ayet	Ayah	Câu kinh Qur'an
17	Ezan	Azan/Adhan	Lời kêu gọi cầu nguyện
18	Takva	Taqwa	Lòng mộ đạo
19	Tefsir	Tafsir	Bình luận, chú giải kinh Qur'an
20	Hâfiz	Hafiz	Người thông tuệ kinh Qur'an
21	Müezzin	Muezzin	Giáo sĩ kêu gọi cầu nguyện
22	Ulemâ	Ulama	Học giả, nhà hiền triết Islam
23	Terâvih	Tarawih	Lời cầu nguyện đặc biệt trong tháng Ramadan
24	Îlâhi	Îlahi	Thánh ca
25	Îtikâf	I'tikaf	Thời gian tịnh tu cầu nguyện tại thánh đường
26	Arife/Arefe	Arafat/Arafah	Ngày trước bayram
27	Bayram	Eid	Lễ
28	Ramazan Bayramı Şeker Bayramı	Eid al-Fitr	Lễ Ramadan Lễ hội bánh kẹo
29	Bayram namazı	Salat al-Eid	Lễ cầu nguyện ngày đầu bayram

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Bảng 2: Một số thuật ngữ lịch sử liên quan đến thời kỳ Ottoman

	Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ	Ý nghĩa
1	Padişah	Sultan hay Vương chủ Ottoman
2	Şehzade	Vương tử
3	Şeyhülislâm/Şeyhü'l-İslâm	Danh hiệu người đứng đầu tổ chức ilmiye (tăng lữ), tương đương lãnh tụ tôn giáo
4	Sadrızam/Vezîr-i âzam	Đại tể tướng Ottoman
5	Bâbüssaâde Ağası	Tổng quản nội cung
6	Kadı	Thẩm phán tòa án tôn giáo Islam
7	Enderun	Nơi đặt hậu cung và các ngân khố trong cung điện Ottoman. Đồng thời cũng là tên của tổ chức giáo dục trong cung
8	Has Oda	Phòng Cơ mật, là tên của cấp cao nhất trong Enderun
9	Hırka-ı Saadet	Nơi cất giữ các thánh tích của Nhà Tiên tri Muhammed trong cung điện Ottoman
10	Vakıf	Tổ chức từ thiện trong xã hội Islam
11	Okka	Một đơn vị đo lường cổ thời Ottoman, tương đương 400 dirhem

Nguồn: Tổng hợp của tác giả